



THÙNG XE TẢI ĐÔNG LẠNH

REFRIGERATED TRUCK BODY

HYUNDAI

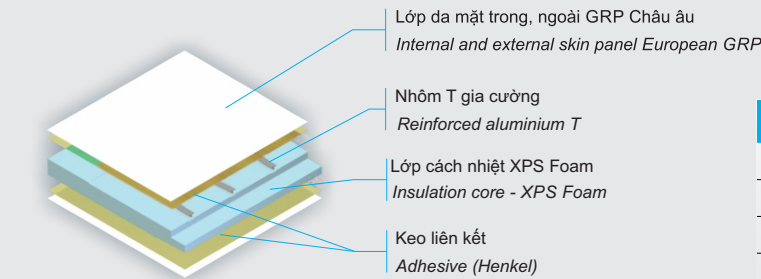
**NEW MIGHTY 75S F140
NEW MIGHTY 110S F150**

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

THÔNG TIN CHUNG / GENERAL		ĐVT / UNIT	NEW MIGHTY 75S F140	NEW MIGHTY 110SP F150
Loại xe / Vehicle type			Ô tô tải (đông lạnh) Refrigerated Truck	Ô tô tải (đông lạnh) Refrigerated Truck
Nhãn hiệu / Mark, model code			HYUNDAI NEW MIGHTY 75S F140- QUYEN AUTO.DL	HYUNDAI NEW MIGHTY 110SP F150- QUYEN AUTO.DL
Công thức bánh xe / Wheel formular			4 x 2	4 x 2
Thông số về kích thước / Dimensions				
Kích thước tổng thể (D x R x C) Overall (L x W x H)	mm		6350 x 2100 x 2910	6850 x 2150 x 3020
Kích thước bao thùng hàng (D x R x C) Body's external dimension (L x W x H)	mm		4450 x 2100 x 2000	4950 x 2150 x 2050
Kích thước trong thùng hàng (D x R x C) Body's internal dimension (L x W x H)	mm		4270 x 1950 x 1840	4770 x 2010 x 1870
Chiều dài cơ sở / Wheel base	mm		3415	3775
Vệt bánh xe (Trước / Sau) Wheel track (Front/ Rear)	mm		1680 / 1495	1680 / 1495
Chiều dài đầu xe / đuôi xe Overhang (Front/ Rear)	mm		1125 / 1810	1125 / 1950
Khoảng sáng gầm xe Ground Clearance	mm		190	230
Chiều rộng cabin / Cabin width	mm		2000	2000
Thông số về khối lượng / Weight				
Khối lượng bản thân / Curb weight	Kg		3405	3905
Khối lượng chuyên chở theo thiết kế Payload	Kg		3400	6500
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế Max gross vehicle weight	Kg		7000	10600
Khối lượng phân bố lên trục trước / sau Dispose on front axle / rear axle	Kg		2500 / 4500	3150 / 7450
Số người cho phép chở kể cả lái xe Seating capacity including driver			3	3
Bánh xe và lốp / Wheels and tyres				
+ Trục 1 (Bánh đơn) +First axle (quantity:2)			7.00-16	8.25-16
+ Trục 2 (Bánh kép) +Second axle (quantity:4)			7.00-16	8.25-16
Thiết bị điện / Electric equipment				
Áp định mức: 24V Out put: 24V			Ắc quy / Batteries: 12V - 90Ah - 2 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 90Ah - 2 bình
Máy phát: xoay chiều Alternator:			Khởi động / Starter: 24V - 5,0kW	Khởi động / Starter: 24V - 5,0kW
Thiết bị chuyên dùng / Special equipment			Thermal Master T-2500 (2600W) or T-2600 (2341W)	Thermal Master T-3000 (3002W)

Lưu ý / Note: Các thông số kỹ thuật trên có thể thay đổi mà không cần báo trước / Product specifications can be changed at any time without previous notice.

CẤU TẠO CÁC LỚP PANEL / STRUCTURE OF SANDWICH PANEL



Độ Dày / Thickness Panel (mm)	Sàn phẳng / Flat floor (HD 75S)	Sàn sóng / Corrugated (HD 75S)	Sàn phẳng / Flat floor (HD 110S)	Sàn sóng / Corrugated (HD 110S)
Panel sàn / Floor panel	80	85	95	110
Panel vách đầu Front wall panel	65	65	65	65
Panel vách 2 hông Two side wall panels	65	65	65	65
Panel nóc / Roof panel	80	80	80	80
Panel 2 cửa sau Rear door panels	65	65	65	65

CÔNG TY TNHH SX-TM-DV Ô TÔ QUYỀN

* **ĐỊA CHỈ:** số 550, ấp 4, xã Tân Bửu, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam.
* **Tel:** (0272) 3769 020 - (0272) 3769 022
* **Fax:** (0272) 3769 023
* **Phòng kinh doanh:**
Hotline: 090.810.9929 - 090.393.0444
Email: kd01@quyenauto.com
* **Tư vấn kỹ thuật:**
Hotline: 090.800.9030 - 093.890.9317
Email: technical@quyenauto.com

